

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2017/HS-PT

Ngày : 19-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán:

1. Ông Ngô Dũng

2. Bà Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2017/HSPT ngày 08/8/2017 đối với bị cáo Bùi Văn H do có kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2017/HS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Văn H, sinh 1964 tại huyện A, tỉnh A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã H, huyện A, tỉnh A; Chỗ ở: ấp Ph, xã H, huyện A, tỉnh A; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Bùi Văn Đáng, sinh năm 1935 và bà Kiều Thị Kén, sinh 1936; Vợ Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1975; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

- Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/01/2017 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Ông Trần Văn P, sinh 1980; trú tại: ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

(Trong vụ án, những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo).

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Phú thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/3/2016, Huỳnh Thị Diễm bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú thực hiện Lệnh bắt tạm giam do có hành vi đánh bạc. Sau khi chị Diễm bị bắt khoảng một tháng, chồng chị Diễm là anh Trần Văn P nhờ Anh Nguyễn Văn Hiền giới thiệu để giúp lo cho chị Diễm được tại ngoại và hưởng án treo. Do có mối quan hệ sui gia với gia đình Bùi Văn H, anh Hiền gọi điện cho H nói ý định của anh P thì H hẹn gặp tại quán cà phê Lộc Vàng tại ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú. Khoảng 14 giờ cùng ngày, P cùng anh Hiền đến quán Lộc Vàng, nhưng P đi mua đồ, nhờ anh Hiền ở lại bàn bạc với H. H nói với anh Hiền khoảng 30.000.000 đồng là lo được cho chị Diễm được tại ngoại và án treo.

Khoảng 15 phút sau, P trở lại và chở anh Hiền về. Trên đường về, anh Hiền cho P biết H nói khoảng 30.000.000 đồng là lo cho Diễm được tại ngoại, hưởng án treo thì P đồng ý. Sáng ngày sau, H điện thoại cho anh Hiền kêu P đem 40.000.000 đồng xuống cho H để bảo lãnh chị Diễm về liền. P mang theo 20 chỉ vàng 24 kara mà trước đó anh mượn của chị Huỳnh Thị Hậu (chị ruột Diễm) đến tiệm vàng Thanh Khang tại ấp An Thịnh, thị trấn An Phú bán 10 chỉ được hơn 30.000.000 đồng, cộng với số tiền cá nhân mang theo thành 40.000.000 đồng. P mang đến quán Lộc Vàng đưa cho H, H nhận tiền kêu P ngồi chờ và chạy xe ra khỏi quán, điện thoại cho anh Hiền nói là 50.000.000 đồng, sao P chỉ đưa 40.000.000 đồng, kêu anh Hiền điện cho P, kêu P đưa thêm 10.000.000 đồng. Anh Hiền điện cho P biết, P đồng ý. H hỏi có đơn xin tại ngoại không, P nói quên và nhờ em tên Trần Văn Toàn mang xuống đưa. Ngay đó, P đến tiệm vàng Thanh Khang bán thêm 05 chỉ vàng được khoảng 15.000.000 đồng và trở lại quán Lộc Vàng đưa 10.000.000 đồng cho H. H nhận tiền, xem đơn rồi kêu anh P đến giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Vào buổi sáng khoảng 01 tuần sau, H điện thoại kêu anh P đưa thêm 10.000.000 đồng, P mang tiền đến quán Lộc Vàng đưa cho H. Khoảng 01 tuần tiếp theo, vào buổi chiều, H điện kêu P đưa thêm 10.000.000 đồng nữa. P điện hỏi mượn 10.000.000 đồng của chị Phạm Thị Thúy Loan (vợ anh Hiền) và sáng ngày sau, chị Loan kêu con tên Nguyễn Minh Phụng mang 10.000.000 đồng đến nhà đưa cho P và P mang đến quán Lộc Vàng đưa cho H.

Trong thời gian chị Diễm đang bị tạm giam, P nhờ anh Hiền điện cho H nhờ xin thăm nuôi, H kêu đưa 2.000.000 đồng để lo mới được thăm nuôi thì P đồng ý, đưa 2.000.000 đồng cho H bên ngoài trụ sở Công an huyện trước khi vào thăm nuôi chị Diễm.

Sau khi nhận 72.000.000 đồng của anh P, H tiếp tục kêu anh P đưa thêm 35.000.000 đồng để lo cho chị Diễm không phải ra tòa. P đồng ý nhưng chưa đưa tiền. Ngày 21/5/2016, xét thấy chị Diễm phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ không ai chăm sóc (một đứa bị bệnh) nên

Cơ quan điều tra đã đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú ra Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho gia đình bảo lãnh chờ xử lý. Lúc này, dưỡng của chị Diễm là anh Nguyễn Văn Thông đến thăm, anh Thông nghe nói chị Diễm được tại ngoại là do xét hoàn cảnh gia đình, kêu P đừng đưa tiền cho H nữa. Anh P nghi bị H lừa nên không đưa thêm tiền cho H và ghi âm lại 03 cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa anh P và H, nội dung liên quan đến việc H nhận 70.000.000 đồng của anh P và yêu cầu anh P đưa thêm 35.000.000 đồng nữa để lo cho chị Diễm không phải ra Tòa.

Ngày 28/7/2016, Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, tuyên phạt chị Diễm 06 tháng tù giam. Chị Diễm kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 20/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Ngày 26/9/2016, anh P biết rõ bị H lừa nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú tố giác H, giao nộp 01 USB chứa 03 đoạn ghi âm cuộc gọi giữa anh P và H.

Căn cứ Kết luận giám định số 4608/C45(P6) ngày 14/12/2016 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “anh”, xưng là “tao” trong mẫu cần giám định (ký hiệu là “H” trong bản dịch nội dung các hội thoại trong mẫu cần giám định) và tiếng nói của Bùi Văn H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Ngày 16/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt giam đối với Bùi Văn H để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 12/VKS-HS ngày 12/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Bùi Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2017/HS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Phú đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự được sửa, đổi bổ sung năm 2009.

- Xử phạt: bị cáo Bùi Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/01/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm có tuyên về phân xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 30/6/2017, bị cáo Bùi Văn H có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Bùi Văn H thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu và bị xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không oan. Nay bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm hình phạt và được hưởng án

treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã khắc phục hậu quả, gia đình có công với cách mạng, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Bùi Văn H kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định bị cáo H đã có hành vi nhiều lần lừa đảo bị hại Trần Văn P bằng thủ đoạn cố tình cho P nghĩ bị cáo có khả năng giúp vợ bị hại được tại ngoại và được hưởng án treo để bị hại đưa tiền cho bị cáo với tổng cộng số tiền là 72.000.000 đồng. Sau khi lấy được 72.000.000 đồng bị cáo đã tiêu xài cá nhân. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, xét toàn diện vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai rõ thủ đoạn phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo cung cấp văn bản có xác nhận của Ủy ban xã Phú Hội, huyện An Phú xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, chú bị cáo là liệt sĩ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 149 Bộ luật Hình sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xử phạt bị cáo 02 năm tù cũng đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Người bị hại ông Trần Văn P có ý kiến: xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay lời khai của bị cáo Bùi Văn H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Có đầy đủ căn cứ xác định rằng: bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhiều lần để người bị hại Trần Văn P tin H có thể giúp vợ là chị Huỳnh Thị Diễm được tại ngoại và được hưởng án treo nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Số tiền mà H chiếm đoạt được từ người bị hại tổng cộng là 72.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo phạm tội này theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, thấy: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin bị

cáo có quen biết với nhiều người có thẩm quyền có thể giúp vợ của bị hại được tại ngoại và được hưởng án treo, nhưng thật sự bị cáo không có khả năng giúp cho vợ bị hại được tại ngoại, vợ bị hại được tại ngoại là do cơ quan có thẩm quyền xem xét hoàn cảnh gia đình và nhân thân. Việc chị Diễm bị xử phạt tù không cho hưởng án treo không phải nằm ngoài dự tính của bị cáo mà Tòa án đã xem xét hành vi của chị Diễm nguy hiểm cho xã hội, không thuộc trường hợp được hưởng án treo và để giáo dục và răn đe chung đối với loại tội phạm đánh bạc nên không xem xét cho hưởng án treo. Hành vi gian dối của bị cáo xuất phát trước khi bị cáo nhận được tiền từ người bị hại, tức là bị cáo đã có ý định từ đầu chiếm đoạt số tiền của người bị hại. Mục đích lừa đảo của bị cáo là để chiếm đoạt tài sản của bị hại để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, đã khắc phục hậu quả trả lại số tiền 70.000.000 đồng cho gia đình bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có công với cách mạng theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần của người bị hại, tổng cộng số tiền lên tới 72.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo đã khai rõ thủ đoạn lừa bị hại là cố tình làm cho bị hại nghĩ là bị cáo có khả năng tác động và sử dụng tiền để lo cho người có thẩm quyền để người bị hại đưa tiền cho bị cáo và bị cáo lấy tiền đó để tiêu xài mà trước đó quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm bị cáo không thừa nhận, điều này thể hiện rõ sự thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Trong vụ việc này bị hại cũng có một phần trách nhiệm khi sử dụng tiền để người thân được thoát tội, đã tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo đối với bị hại, khoản tiền chiếm đoạt nằm ở những mức đầu của tình tiết định khung hình phạt, bị cáo cung cấp tài liệu Ủy ban nhân dân xã Phú Hội xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo có công với cách mạng và tại phiên tòa hôm nay bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã khắc phục gần toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và một tình tiết tăng nặng, từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước, xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe bị cáo, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bên cạnh đó còn tác động xấu đến trật tự an toàn xã hội, do đó cần có mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm

giáo dục, răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa đối với tội phạm này nói chung. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Về phần án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo đã khắc phục 70.000.000 đồng cho bị hại trước khi xét xử sơ thẩm, bị cáo chỉ phải tiếp tục trả cho bị cáo số tiền 2.000.000 đồng, nên bị cáo chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 2.000.000 đồng là 300.000 đồng, do đó, cấp sơ thẩm tuyên án phí dân sự sơ thẩm là 3.600.000 đồng là chưa phù hợp theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét điều chỉnh lại, bị cáo chỉ chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn H, sửa bản án sơ thẩm số 20/2017/HS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Phú về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H và phần án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm e, khoản 1 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: bị cáo Bùi Văn H 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/01/2017.

2. Về án phí: Áp dụng điểm c, g khoản 1 và điểm h, khoản 2, Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Bùi Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

+ Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Bùi Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2017/HS-ST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- VKSND huyện An Phú (1);
- TAND huyện An Phú (2);
- Công an huyện An Phú (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- Bị cáo (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 27 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Tòa Hình sự;
- Văn phòng (VT, Bộ phận nhận và trả kết quả);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Dũng

Nguyễn Hồng Vân

Trần Hoàng Vũ

